

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu: Mua sắm Vật tư y tế; Hóa chất; Sinh phẩm với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: DS. Đỗ Hữu Thành - Trưởng Khoa Dược-TTB-VTYT.

- SĐT: 0935.530.355 hoặc 0905.259.581

- Địa chỉ email: khoaduocbvnd@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận báo giá trực tiếp hoặc gửi thư tại địa chỉ: Khoa Dược - TTB - VTYT, Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa. Địa chỉ: TDP Phú Thọ 2, P. Ninh Diêm, TX. Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 10h ngày 13 tháng 03 năm 2024 đến trước 17h ngày 22 tháng 03 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 03 năm 2024.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục hàng hóa (theo Phụ lục đính kèm).

- Phụ lục 1: Danh mục Vật tư Y tế.

- Phụ lục 2: Danh mục Hóa chất máy và Hóa chất khử khuẩn.

- Phụ lục 3: Danh mục Sinh phẩm

2. Báo giá hợp lệ:

Báo giá ghi rõ đơn vị và đóng dấu, giá đã bao gồm thuế và chi vận chuyên, giao nhận, bảo hành và các chi phí khác (nếu có).

3. Đồng tiền chào giá: Việt Nam đồng.

4. Địa điểm giao hàng:

Khoa Dược-TTB-VTYT, Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa. Địa chỉ: TDP Phú Thọ 2, P. Ninh Diêm, TX. Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.

Đề nghị quý công ty làm báo giá theo mẫu đính kèm.

Rất mong quý công ty quan tâm tham dự.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TTYT (VBĐT);
- Phòng TCKT (VBĐT);
- Trang Web: <https://taisancong.vn/>;
- Lưu: VT, K.D.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tiến Khoa

Mẫu báo giá

Kính gửi: Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa:

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1							
2							
n	...						

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục I
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Airway các số	Chất liệu nhựa y tế tốt dẻo, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da. Tiệt trùng bằng khí E.O. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Kích cỡ: số 2: 80mm, số 3: 90mm. Thời hạn sử dụng 5 năm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 1 cái	Cái	300
2	Băng bó bột thạch cao nguyên chất	Kích thước: 15cm x 2,7m. - Làm từ bột thạch cao liên gạch (Thạch cao $\geq 97\%$, gạch 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết: < 3 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	500
3	Băng cuộn 9cm x 2m	Thành phần: Vải dệt hút nước. Kích thước: 0,09m x 2m. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 20 cuộn	Cuộn	5.000
4	Băng keo lụa y tế	Kích thước 2.5cm x 5cm. Chất keo Acrylate độ dính cao hoặc keo dính Oxit kẽm, không dùng dung môi, không gây dị ứng. Vải lụa Acetate màu trắng sữa dễ xé. Lõi nhựa PVC nguyên sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 24 cuộn	Cuộn	20.000
5	Băng rôn tiệt trùng	Băng rôn được làm từ chất liệu vải mềm đã tiệt trùng, không gây cọ sát, an toàn cho làn da nhạy cảm của bé. Mỗi hộp có 3 gạch có kích thước (200 x 200) mm và 3 băng thun có kích thước (70 x 100) mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 3 miếng	Miếng	3.000
6	Băng thun 3 móc 10cm x 4,5m	Kích thước ban đầu 10cm x 1,5m, kích thước sử dụng 10cm x 4,5m; độ đàn hồi 300%; Chất liệu làm từ sợi Cotton se tròn 76%, kết hợp với cao su tự nhiên 24%; màu da. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Túi/ 1 cuộn	Cuộn	2.000

7	Bao tóc phẫu thuật	Nguyên liệu: vải không dệt, không thấm và dây thun đôi. Sản phẩm đựng trong túi giấy dùng trong y tế đã được tiệt trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 cái	Cái	4.000
8	Bộ mặt nạ thở khí dung	Các cỡ M, L, XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 bộ	Cái	3.000
9	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 10ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế, không chứa độc tố DEHP. Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 100 cái	Cái	150.000
10	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 1ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế, không chứa độc tố DEHP. Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 100 cái	Cái	10.000
11	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 20ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế, không chứa độc tố DEHP. Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 50 cái	Cái	150.000
12	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 3ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế, không chứa độc tố DEHP. Bơm tiêm nhựa liền kim 3 ml, cỡ kim 23G, 25G. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 100 cái	Cái	150.000
13	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 5ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế, không chứa độc tố DEHP. Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 100 cái	Cái	200.000
14	Bơm tiêm điện	Ống tiêm 50ml, bằng nhựa y tế trong suốt và có kim, có khóa, có khóa Luer lock, dùng cho máy bơm tiêm điện, kim rời Kích cỡ kim: 23G x 1. Mũi kim được dát nghiêng mặt phẳng 3 chiều giúp tiêm vào da dễ dàng. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS. Kỹ thuật mài cao cấp cho mũi kim cực kỳ sắc bén. Pít tông chuyển động mịn màng cho độ chính xác cao hơn. Dấu hiệu rõ	Hộp/ 25 cái	Cái	10.000

		ràng, đậm đảm bảo kiểm soát liều lượng và độ chính xác. Giảm không gian chết để giảm hao hụt thuốc. Không độc hại, không gây sốt. Tiệt trùng bằng Ethylen Oxide. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.			
15	Bông hút nước 4.5 x 5.5cm x 10 miếng	Nguyên liệu: bông hút nước 100% cotton. Màu trắng. Đặc tính: Kích thước: 4.5 x 5.5cm x 10 miếng/gói. Khả năng giữ nước ≥ 20 g nước/gam bông. Tốc độ hút nước: thời gian chìm ≤ 10 giây; Chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$; Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; Clorid: $\leq 0,005\%$; Sulfat: $\leq 0,01\%$; Chất béo: $\leq 0,3\%$; Chất màu: theo qui định; Mất khối lượng do làm khô: $\leq 8\%$; Tính khuếch tán của chất dạ quang: không có. Sản phẩm đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói / 20 gam	Gói	2.000
16	Bông mỡ không thấm nước	Nguyên liệu: 100% bông xơ tự nhiên, có màu trắng ngà, mịn, xốp, không lẫn tạp chất. Không thấm nước - Gói: 1kg. - Độ ẩm tối đa: $\leq 8\%$. - Tro toàn phần: $\leq 2,5\%$. - Khở rộng: ≥ 370 mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 1kg	Kg	10
17	Bông y tế thấm nước	Nguyên liệu: 100% bông xơ thiên nhiên, cấu trúc đơn bào, có màu trắng, không lẫn màu, không lẫn chất. - Khả năng giữ nước: ≥ 20 g nước/ gam bông. Tốc độ hút nước: ≤ 10 s. - Độ ẩm tối đa: $\leq 8\%$. - Tro toàn phần: $\leq 0,5\%$. - Hàm lượng clorua $\leq 0.005\%$ - Các chất tan trong nước $\leq 0,5\%$ - Gói: 1kg. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 1kg	Kg	400
18	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng (các số)	Catheter chất liệu Polyurethane. Dây dẫn bằng thép không gỉ hoặc Nitiol. - Số nòng: 3 nòng - Đóng gói: 1 cái/ túi; 100 cái/ thùng - Tiệt trùng bằng EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 cái	Cái	20
19	Cây hướng dẫn nội khí quản (Stylet) các cỡ 6-10-14 Fr	*Kích cỡ: số 6, 10, 14Fr. Chất liệu: thanh kim loại mảnh dễ uốn, phủ lớp nhựa mỏng bên ngoài; đầu bo tròn không gây tổn thương. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 1 cái	Cái	10

20	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6/6.6 số 2/0 75cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6. Chỉ được nhuộm màu xanh (FDA FD&C Blue No. 2) hoặc màu đen (Logwood extract). Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. Cỡ chỉ USP số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 24 tép	Tép	1.200
21	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6/6.6 số 4/0 75cm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6, Chỉ được nhuộm màu xanh (FDA FD&C Blue No. 2) hoặc màu đen (Logwood extract). Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. Cỡ chỉ USP số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 24 tép	Tép	1.200
22	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6/66 số 2/0 75cm DS24	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 31.39N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Direct Depense Packaging (DDP). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 36 tép	Tép	1.080
23	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6/66 số 3/0 75cm DS24	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.50N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Direct Depense Packaging (DDP). Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 36 tép	Tép	1.200
24	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6/66 số 4/0 75cm DS19	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 19mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Direct Depense Packaging (DDP). Đạt một trong các tiêu	Hộp/ 36 tép	Tép	1.200

		chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.			
25	Chỉ không tan tự nhiên số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm.	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, làm từ protein hữu cơ - sợi tơ tằm (lụa) Bombyx Mori, có phủ sáp (wax), sợi bền rất chắc, giúp dễ thao tác, không gây hiện tượng mao dẫn. Cỡ chỉ USP số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 24 tép	Tép	1.200
26	Chỉ không tan tự nhiên số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm.	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, làm từ protein hữu cơ - sợi tơ tằm (lụa) Bombyx Mori, có phủ sáp (wax), sợi bền rất chắc, giúp dễ thao tác, không gây hiện tượng mao dẫn. Cỡ chỉ USP số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 24 tép	Tép	960
27	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, kim tròn	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactin 910 có lớp phủ ngoài Poly (glycolide-co-lactide) (30/70) và calcium stearate. Chỉ giữ được vết mổ đến 28 ngày. Sức căng còn lại của sợi chỉ đạt 75% vào ngày thứ 14; 45% vào ngày thứ 21. Chỉ tan hoàn toàn trong 60-75 ngày. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 1 dài 90cm. Kim tròn heavy 1/2C 40mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 12 sợi	Sợi	1.080
28	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, kim tròn	Chỉ tiêu đa sợi Polyglactin 910, được bao phủ bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium stearat, số 1, dài tối thiểu 90cm, kim tròn đầu tròn CT, thân kim có rãnh, kim dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 36 tép	Tép	1.080
29	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2, kim tròn	Chỉ tiêu tổng hợp cấu tạo bởi 100% Polyglycolic acid có lớp phủ ngoài Polycaprolactone và calcium stearate. Sức căng còn lại của sợi chỉ đạt 45% sau 6 ngày; 10% sau 10 ngày. Chỉ tan hoàn toàn trong 60-75 ngày. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 90cm. Kim tròn đầu cắt 1/2C 37mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 12 sợi	Tép	1.200

30	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid 2/0	Thành phần: Chỉ tan nhanh Polyglycolic acid phủ ngoài bằng <i>epsilon-caprolactone</i> và <i>calcium stearate</i> . Cỡ chỉ số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C, kim 36mm. Thời gian chỉ giữ được vết mổ 10-14 ngày, Sức căng còn lại còn lại sau 5 ngày 60%, sau 10 ngày còn 30%. Chỉ tan hoàn toàn trong 42 ngày. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 36 tép	Tép	960
31	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen, có tẩm muối chrome, số 1 75cm, kim tròn 40 mm	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi (tan chậm) vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Cỡ chỉ USP Số 1/0 dài 75cm, có kim tròn 1/2 40mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 24 tép	Tép	960
32	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen, có tẩm muối chrome, số 1, kim tròn 1/2c dài 40 mm	Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ làm từ collagen thanh mạc ruột bò (không phải cừu hoặc dê), sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 30 tép	Tép	1.200
33	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen, có tẩm muối chrome, số 2 75cm, kim tròn 30 mm	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi (tan chậm) vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết m Được đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng. Cỡ chỉ USP Số 2/0 dài 75cm, có kim tròn 1/2 30mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 24 tép	Tép	1.200
34	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen, có tẩm muối chrome, số 2, kim tròn 1/2c dài 26mm	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi (tan nhanh) vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 7 đến 10 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Cỡ chỉ USP Số 2/0 dài 75cm, có kim tròn 26mm. Đạt một trong các tiêu	Hộp/ 24 tép	Tép	1.200

		chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.			
35	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen, có tấm muối chrome, số 3 75cm, kim tròn 26 mm	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi (tan chậm) vô trùng có tấm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Được đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng. Chỉ có màu nâu sẫm. Sợi chỉ tròn đều, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Cỡ chỉ USP số 3/0 dài 75cm, có kim tròn 1/2 26mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 24 tép	Tép	1.080
36	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen, có tấm muối chrome, số 4 150cm, không kim	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi (tan chậm) vô trùng có tấm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Cỡ chỉ USP Số 4/0 dài 75cm, không kim. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 24 tép	Tép	4.800
37	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen, có tấm muối chrome, số 4 75cm, kim tròn 26 mm	Chỉ phẫu thuật tự tiêu sinh học đơn sợi (tan chậm) vô trùng có tấm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Được đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng. Chỉ có màu nâu sẫm. Sợi chỉ tròn đều, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Cỡ chỉ USP số 4/0 dài 75cm, có kim tròn 1/2 26mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 24 tép	Tép	2.400
38	Dao mổ số 10, 11	Đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần, các số. Đảm bảo vô khuẩn, sắc, không giòn gãy. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 100 cái	Cái	3.000
39	Đầu col vàng	Nhựa PP, không khía. Dung tích 100µl-200µl. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bịch/ 1000 cái	Cái	70.000

40	Đầu col xanh	Nhựa PP, có khóa, dung tích 200 μ l-1000 μ l. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bịch/ 1000 cái	Cái	40.000
41	Dây Garo	Được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 10 sợi	Sợi	1.000
42	Dây hút dịch phẫu thuật	Đường kính ống Ø 8mm, chất liệu nhựa PVC trắng trong nguyên chất, có hai đầu nối màu xanh, kích thước 38mm. Chiều dài \geq 2m. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 sợi	Sợi	200
43	Dây nối bơm tiêm điện dài 150cm	Dây nối bơm tiêm điện dài \geq 140cm. - Đầu nối vặn xoắn chống rò rỉ, dây nối có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu. - Chất liệu PVC, chống xoắn, không DEHP. - Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 sợi	Sợi	2.000
44	Dây thở oxy các cỡ	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. Dây dẫn chính có chiều dài 2.000 mm, được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 bộ	Bộ	10.000
45	Dây truyền dịch	Nguyên liệu: PVC, silicon, hạt nhựa ABS nguyên sinh. Tốc độ truyền: 1ml = 20 giọt. Vô trùng, không độc, không gây sốt, không buốt. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 sợi	Sợi	70.000
46	Dây truyền máu 1 buồng	Sử dụng cho việc truyền máu. - Cùng với chất liệu dẻo chống gấp gãy, trong suốt giúp hiển thị rõ ràng. - Ống nhựa PVC y tế với độ dài tiêu chuẩn là 180cm. - Có air vent và đầu gắn kim Luer Lock kim tiêm 18Gx1 1/2 ". Có kết nối cao su. -Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Kim tiêm chất lượng cao giúp giảm thiểu cảm giác đau khi luồn kim, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh không có gờ sản xuất từ vật liệu không gỉ, không bị cặn trong, có nắp đậy bảo vệ. - Bầu đếm giọt có màng lọc. - Sản phẩm tiệt trùng EO, chỉ dùng 1 lần. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 sợi	Sợi	2.000

47	Đè lưới gỗ	Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/100 cái	Hộp	200
48	Điện cực dán ngực	Đường kính ≥ 55 mm. Vật liệu các thành phần của điện cực tim. + Gel dẫn điện kết dính: đặc, các thành phần: nước, glycerine, KCl, KOH... + Giấy: màng thạch cao. + Cảm biến: đầu trên chất liệu đồng phủ niken, đáy vật liệu ABS phủ Ag/AgCl, chiều cao 4.64mm, đường kính đáy 9.475mm, đường kính đỉnh 10.055mm. + Xốp: vật liệu PF. + PET: màng PET. Sử dụng chất liệu bột biển, có chức năng chống thấm nước và chống mồ hôi. Độ dẫn điện tốt, không bị bám bã keo sau khi bóc. Khả năng dẫn từ và thoát khí tốt thích hợp cho việc chẩn đoán và theo dõi lâu dài. Thông tin sản phẩm có trên bao bì. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 cái	Cái	2.000
49	Gạc cầu sản khoa	Fi 45; Đóng gói bằng 2 lớp; Tiệt trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 5 cái	Cái	1.000
50	Gạc dẫn lưu 2cm x 20cm x 6 lớp	Được làm bằng vải không dệt, đã tiệt trùng, size: 2cm x 20cm x 6 lớp. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 5 miếng	Miếng	5.000
51	Gạc Meche phẫu thuật 3,5x75cmx8 lớp, cản quang vô trùng	Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Thành phần: Vải dệt hút nước, thanh/sợi cản quang. Kích thước: 3.5 x 75cm x 8 lớp, cản quang, vô trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 03 miếng	Miếng	6.000
52	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp, vô trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 10 Miếng	Miếng	150.000
53	Gạc Phẫu thuật ổ Bụng 30cm x 30cm x 6 lớp, cản quang, vô trùng	Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Kích thước 30cm x 30cm x 6 lớp, cản quang, vô trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 10 Miếng	Miếng	200.000

54	Gạc vaselin	Kích thước: 18cm x 20cm. Tiệt trùng từng miếng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 10 miếng	Miếng	1.000
55	Găng tay cao su y tế có bột các số	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên. Kích cỡ: XS, S, M, L, XL, dài \geq 240mm, có bột. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 50 đôi	Đôi	100.000
56	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Chất liệu: cao su tự nhiên. Kích cỡ: size 6,5; 7; 7,5. Dài \geq 270mm, có lớp bột phủ. Tiệt trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 50 đôi	Đôi	40.000
57	Găng tay tiệt trùng sản khoa	Sản xuất từ Latex cao su thiên nhiên chất lượng cao, có phủ bột chống dính. Chiều dài: 490-500mm. - Cỡ loại: 7; 7,5; 8. - Độ dày: \geq 0,15mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 50 đôi	Đôi	1.000
58	Giấy điện tim 3 cần 63 x 30	Kích cỡ: 63mm x 30m. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	2.400
59	Giấy điện tim 3 cần 80cm*20m	Kích cỡ: 80mm x 20m. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bịch/ 5 cuộn	Cuộn	2.400
60	Giấy ghi điện tâm đồ 6 cần 110mm x 140mm x 200 tờ	Dùng cho máy điện tim của hãng Nihon Kohen. Kích cỡ: 110mm x 140mm x 200 tờ, có sọc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 xấp	Xấp	1.000
61	Giấy ghi kết quả sinh hóa 50mm x 20m	Kích cỡ: 50mm x 20m. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi 5 cuộn	Cuộn	2.000
62	Giấy Monitor sản khoa 152*90*150	Giấy in kết quả sản khoa, kích cỡ 152mm x 90mm x 150sh, sọc xanh. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Xấp/ 100 tờ	Xấp	100
63	Giấy siêu âm	Kích cỡ: 110mm x 20m dùng được cho máy siêu âm Sony 110S, màu trắng đen. Điều kiện chất liệu: Polypropylene. - Độ dày: $85 \pm 5 \mu\text{m}$. - Độ trắng: $\geq 88\%$. - Độ bóng: $\geq 50\%$. Trọng lượng cơ bản $60 \pm 4\text{g/m}^2$; - Mật độ quang tối đa (Dmax): ≥ 1.2 . Đóng gói từng cuộn. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 5 cuộn	Cuộn	2.000

64	Kẹp rôn sơ sinh	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trong láng cao. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 cái	Cái	2.000
65	Gạc tắm trẻ sơ sinh	Nguyên liệu 100% cotton, chưa tiệt trùng. Quy cách 35cm x 40cm x 3 lớp. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 cái	Cái	2.000
66	Khóa 3 ngã có dây dẫn	Dây có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn. Khóa chịu áp lực 2 bar. Không bị rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo. Dây nối không chứa chất phụ gia DEHP. Dài 50cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 bộ	Bộ	2.000
67	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần các cỡ	Kích cỡ: + Đường kính thân kim: 0.30mm. Độ dài thân kim: 13 mm ~ 75 mm. Cán kim (đốc kim): được cuốn bằng sợi thép không gỉ. Thân kim châm cứu được làm bằng sợi thép không gỉ. Kim châm cứu dùng một lần là sản phẩm vô trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Vỉ/ 5 cây	Cây	200.000
68	Kim chích máu Lancet	Kim bằng kim loại không gỉ, sắc bén và không gây kích ứng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp /200 cái	Cái	10.000
69	Kim chọc dò màng phổi các số	Ống dẫn lưu màng phổi dùng để dẫn lưu hiệu quả sau phẫu thuật tim-lồng ngực. Đầu nối có kích thước phù hợp để kết nối với hệ thống dẫn lưu. Các số: 14FG, 18FG, 22FG, 26FG, 30FG, 34FG. Chiều dài 450mm. Tiệt trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 cái	Cái	200
70	Kim đẩy chỉ vô trùng	Kim làm từ thép chuyên dụng, không gỉ, dẫn điện. Thân kim nhỏ đầu tù và tay cầm chắc chắn. Được đóng vỉ riêng biệt. Kích thước: 0.3 x 33mm (dùng cho đầu nòng 23G). Tiệt trùng bằng ETO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 100 cây	Cây	7.000
71	Kim gây tê tủy sống các số 18G - 27G, 3 1/2" (90mm)	Kích cỡ: 18G/20G/22G/25G/27G x 3 1/2". Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS. Đđkt: bằng nhựa polypropylene (PP), đầu kim vát kiểu "Quicke" 3 mặt mài dũa góc xiên, sắc bén; đốc kim trong suốt dễ theo dõi lượng dịch não tủy chảy ra; có khoá. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 100 cái	Cái	500

72	Kim luân tĩnh mạch có cánh có cửa 18-22G	Kim luân tĩnh mạch được làm bằng chất liệu Nhựa y tế. Đầu kim vát 3 mặt. Catheter nhựa Có 4 đường cản quang ngầm & lưu được trong mạch máu đến 72 giờ. Thành kim mỏng, có Luer lock, Cỡ kim 18G/20G/22G. Tốc độ dòng chảy khác nhau tùy thuộc vào kích cỡ kim, Kích thước đạt tiêu chuẩn quốc tế. Thời hạn sử dụng 5 năm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 100 cây	Cây	10.000
73	Kim luân tĩnh mạch có cánh có cửa 24G	Kim luân tĩnh mạch được làm bằng chất liệu Nhựa y tế. Đầu kim vát 3 mặt. Catheter nhựa Có 4 đường cản quang ngầm & lưu được trong mạch máu đến 72 giờ. Thành kim mỏng, có Luer lock, Cỡ kim 24G. Tốc độ dòng chảy khác nhau tùy thuộc vào số kim, Kích thước đạt tiêu chuẩn quốc tế. Thời hạn sử dụng 5 năm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 100 cây	Cây	30.000
74	Kim nha khoa	Kim 27G x13/16 (0,40x21mm). Kim sắc nhọn, sử dụng cho nha khoa. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 100 cây	Cây	7.000
75	Kim tiêm nhựa các số	Kim các số (18G, 23G, 25G, 26G). Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Không chứa độc tố DEHP. Đóng gói dạng ép vỹ, đảm bảo vô trùng. Tiệt trùng bằng khí E.O. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 100 cái	Cái	200.000
76	Lammen xét nghiệm 22x22mm	Tất cả các lammen được làm bằng chất liệu đặc biệt của Hydrolytical mà không có bất kỳ sai sót, mặt cắt chính xác. Kích thước: 22mm x 22mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 100 cái	Hộp	20
77	Nep cổ cứng	Chất liệu 2 mảnh mút EVA, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi / 1 cái	Cái	50
78	Nep đùi dài (ZIMMER)	Chất liệu vải mút dệt kim ngoại nhập, vải lưới thể thao cao cấp, thanh định vị bằng nhôm lớn, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé ngoại nhập. Có các size từ số 1 đến số 9. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi / 1 cái	Cái	200

79	Nẹp đùi ngắn	Chất liệu vải mút dệt kim ngoại nhập, vải lưới thể thao cao cấp, thanh định vị bằng nhôm lớn, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé ngoại nhập. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi / 1 cái	Cái	200
80	Ống hút điều hòa kính nguyệt các số	Sản xuất bằng nhựa PVC dài ≥ 22 cm, đường kính vòng ngoài của ống 4mm. Ống nhựa trong mềm dẻo đầu hút trơn láng không bavia. Các cỡ 4mm, 5mm, 6mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 ống	Ống	500
81	Ống hút nhót có nắp các số	Các số 6-8-10-12-14-16-18 .Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh .không chứa DEHP .Tiêu chuẩn ISO 13485 được các tổ chức công nhận và thừa nhận quốc tế. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/1 Sợi	Sợi	5.000
82	Ống nghiệm Citrate	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8% kháng đông cho 2ml máu. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Khay/ 100 ống	Ống	1.000
83	Ống nghiệm EDTA K2	Kích thước ống 12x75mm (dung tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Xanh dương. Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP. Hóa chất: Dipotassium Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA K2). Dung tích máu: 1ml, 2ml, 3ml, 4ml có vạch định mức. Có giấy chứng nhận phân tích chịu lực quay ly tâm 5000 vòng/phút trong 10 phút. Trên từng khay sản phẩm có tem ghi rõ thành phần hóa chất, quy trình lấy và lưu trữ máu, lô, hạn sử dụng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Thùng/ 2400 ống	Ống	240.000
84	Ống nghiệm Heparin lithium	Kích thước ống: 12x75mm (dung tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Đen. Chất liệu ống: Được làm bằng nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP. Hóa chất: LITHIUM HEPARIN.Dung tích máu :2ml,3ml,4ml có vạch định mức.Có giấy chứng nhận phân tích chịu lực quay ly tâm 5000 vòng/phút trong 10 phút. Trên từng khay sản	Thùng/ 2400 ống	Ống	100.000

		phẩm có tem ghi rõ thành phần hóa chất, quy trình lấy và lưu trữ máu, lô, hạn sử dụng. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.			
85	Ống nghiệm không nắp	Kích thước 5ml, nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP, không nắp không nhãn. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bịch/ 500 ống	Ống	30.000
86	Ống nghiệm nhựa 5ml có nắp	Kích thước 13x75mm. Nhựa PS trắng trong, nắp ấn trong màu trắng, dung tích 5ml. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại chứa hóa chất bên trong, tinh khiết 100%. Thành ống trơn láng, chống sự bám dính mẫu bệnh phẩm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Khay/ 100 ống	Ống	30.000
87	Ống nghiệm nhựa PP 5ml nắp đỏ, không nhãn	Kích thước 5ml, nhựa PET trắng trong như thủy tinh hoặc nhựa PP, có nắp không nhãn. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 500 ống	Ống	20.000
88	Ống nghiệm Serum	Kích thước ống: 12x75mm (dung tích 5ml), Nắp nhựa màu đỏ. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Poly Stiren tẩm chất đông máu. Dùng tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Thùng/ 2400 ống	Ống	10.000
89	Ống thông dạ dày các số	Chất liệu nhựa PVC. Số 6, 8, 10, 12, 14, 16. Đóng gói dây thẳng không cuộn tròn dây tránh gãy gập. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 sợi	Sợi	100
90	Ống thông nội khí quản có bóng các cỡ	Công dụng: được sử dụng để thông đường khí quản. - Sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại. Đóng gói riêng lẻ từng túi. Có size từ số 2,5 đến 8. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 cái	Cái	300
91	Ống thông tiêu 2 nhánh các số	2 nhánh. Dây có chiều dài > 40cm. Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng, dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size 14Fr, 16Fr. Có bóng 30ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/10 cái	Ống	2.000

92	Phim khô Laser dùng cho XQuang kỹ thuật số CR kích thước 20 x 25cm	Kích thước 20 x 25 cm. Sử dụng cho máy CR tương thích với máy in Dryview Carestream. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 125 tấm	Tấm	60.000
93	Phim khô Laser dùng cho XQuang kỹ thuật số CR kích thước 25 x 30cm	Kích thước 25 x 30 cm. Sử dụng cho máy CR tương thích với máy in Dryview Carestream. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 125 tấm	Tấm	10.000
94	Phim Xquang siêu nhạy 30cm x 40cm	Kích cỡ: 30 x 40cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 100 tấm	Tấm	1.200
95	Que gòn trong ống nghiệm tiệt trùng	Que gòn đã được tiệt trùng dùng để lấy mẫu xét nghiệm.- Que gòn đã tiệt trùng, thân gỗ dài 16cm, 1 đầu gòn, 1 đầu đưng trong ống nghiệm, ống PP có nhãn. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Bịch/ 100 ống	Ống	1.000
96	Tấm trải nilon vô trùng	Kích thước: 120cm x 210cm. Chất liệu màng nhựa PE, màu trắng sữa nguyên chất. Dày ≥ 0.06 mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 cái	Cái	1.000
97	Tạp dề y tế tiệt trùng	Kích thước: ≥ 0.8 m x 1.2m. Chất liệu: sản phẩm được làm bằng màng PE chính phẩm, màu trắng nguyên chất. Tiệt trùng bằng khí E.O gas. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 1 cái	Cái	2.000
98	Túi camera	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. Kích thước: 150 mm x 235cm. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 1 cái	Cái	200
99	Túi đo lượng máu sau sinh	Dung tích ≥ 2.000 ml. Chất liệu: màng nhựa PE trong. Kích thước 1.050mm x 700mm. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Túi/ 1 cái	Cái	800

100	Túi đựng nước tiểu có quai treo	Dung tích: 2.000 ml, van xả thoát đáy chữ T, có quai treo, vạch chia dung tích, nút xả không tuột, không bị rỉ nước. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Gói/ 1 cái	Cái	1.500
101	Vòng đeo tay bệnh nhân	Chất liệu: Nhựa trung tính, không gây kích ứng da, các màu xanh, đỏ, vàng, hồng. Chiều dài: ≥ 235 mm, rộng 22mm. Phần băng tên: dài ≥ 60 mm, rộng 20mm. Phần quai đeo: Nút bấm và khóa cố định, có 12 lỗ phù hợp với kích cỡ tay của bệnh nhân. Kích cỡ: Người lớn, trẻ em. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Túi/ 100 cái	Cái	2.000
102	ABT® TB32 Tip Comb.	Được sản xuất bằng nhựa polypropylene (PP), phù hợp cho việc xử lý hạt từ tính do ái lực liên kết thấp của chúng với các phân tử nucleic acid. Sản phẩm được dùng trong tách chiết từ ở máy Tanbead Smart Labassit 32. Số đầu bọc trên tipcomb: 8 đầu bọc thanh từ. Dạng hình trụ với đáy ống bọc chữ U vuông. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	2 cái/gói. 25 gói/hộp	Gói	10
103	ABT® TB96 Strips Tube.	Được sản xuất bằng vật liệu có độ tinh khiết cao bằng quy trình sản xuất hiện đại đảm bảo tính đồng nhất và độ chính xác cao. Sản phẩm được khử trùng và không chứa bụi mịn gây ô nhiễm mẫu. Sản phẩm có thể sử dụng để thay thế tube 1.5mL để trữ mẫu và dùng trong tách chiết từ dạng lẻ. Số giếng: 6 giếng. Thể tích giếng: 2.2mL. Kích thước giếng: 1x1cm. Chất liệu nhựa PP. Dạng đáy giếng: chữ U. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 100 cái	Gói	05
104	Đầu tuýp bằng nhựa có lọc các cỡ	Đầu côn/tip có lọc (Filter Tip) giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols (Sol khí) có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, làm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Mang đến độ chính xác tối đa cho thí nghiệm của bạn. Đầu tip tương thích với nhiều loại micropipet từ các hãng Effendorf, Thermo, Dlab,... Độ tinh sạch cao. Không có RNase & Dnase, Pyrogen Thể tích: 1250ul, 1000ul, 200ul, 100ul, 20ul, 10ul Chất liệu: - Tip: Sản xuất bằng nhựa polypropylene (PP) cao cấp. Có thể khử trùng ở 121 ° C - Phần lọc	Hộp/ 96 tip	Hộp	200

		(Filter): Màng lọc làm bằng HDPE, không có chất phụ gia cellulose đảm bảo ngăn ngừa lây nhiễm chéo. Khử trùng: EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.			
105	Tip comb (8-strip Tip)	Dùng cho máy tách chiết tự động DNA/ RNA hãng Bioer model: GenePure Pro và GenePure Plus. Chất liệu: Nhựa PS tiệt trùng bằng khí EO. Không chứa Dnase, Rnase, PCR inhibitor và Human genomic DNA. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 16 Strip	Gói	10
106	Tube ly tâm 1.5ml màu trong có nắp	Chất liệu: nhựa polypropylen (PP), tuân thủ USP CLASS VI. Đáy hình nón, có thể tự đứng được. Có vạch chia rõ ràng. Nắp kín có thể được mở và đóng nhiều lần, có thể cải thiện hiệu suất bịt kín, ngăn chặn rò rỉ chất lỏng và dễ dàng thao tác bằng một tay. MAX RCF (lực ly tâm tương đối tối đa) đạt 25.000xg. Phạm vi nhiệt độ: -80°C~121°C (không biến dạng sau khi khử trùng ở nhiệt độ cao khi mở nắp, đồng thời duy trì độ trong suốt tốt). Không chứa DNase/RNase, Non-pyrogenic. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói/ 500 cái	Gói	05

Phụ lục II
DANH MỤC HÓA CHẤT MÁT VÀ HÓA CHẤT KHỬ KHUẨN

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
I. HÓA CHẤT MÁT XÉT NGHIỆM					
1	Dung Dịch Phá Hồng Cầu	Dung dịch dùng ly giải hồng cầu để xác định số lượng, thể tích và 3 thành phần WBC, và nồng độ HGB. Thành phần hóa học: Detergents < 4.0% Buffers < 1.0% Preservative < 0.5% Stabilizers < 0.5% in ion-free water Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bình 1 lít	Bình	32
2	Dung Dịch Phá Hồng Cầu	Dung dịch dùng ly giải hồng cầu để xác định số lượng, thể tích và 3 thành phần WBC, và nồng độ HGB. Thành phần hóa học: Surfactants < 2.2% Buffers < 1.0% Preservative < 0.5% Stabilizers < 0.5% in ion-free water Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bình 500ml	Bình	30
3	Dung dịch pha loãng	Dùng để pha loãng một thể tích máu theo một tỷ lệ xác định. Thông qua máy xét nghiệm sẽ xác định số lượng và thể tích của hồng cầu(RBC), tiểu cầu (PLT) Thành phần hóa học: Sodium chloride < 1.0% Buffers < 1.0% Preservative < 0.5% Stabilizers < 0.5% in ion-free water	Thùng 20 lít	Thùng	82

		Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.			
4	Dung dịch pha loãng	Dùng để pha loãng một thể tích máu theo một tỷ lệ xác định. Thông qua máy xét nghiệm sẽ xác định số lượng và thể tích của hồng cầu(RBC), tiểu cầu (PLT) Thành phần hóa học: Sodium chloride < 0.9% Buffers < 1.0% Preservative < 0.5% Stabilizers < 0.3% in ion-free water Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Thùng 20 lít	Thùng	26
5	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa dùng để sử dụng cho máy huyết học Thành phần hóa học: Detergents < 1.0% Buffers < 1.0% Preservative < 0.5% Stabilizers < 0.5% in ion-free water Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Thùng 20 lít	Thùng	30
6	Máu chuẩn huyết học 18-19 thông số	Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 3 mức Thấp-Trung-Cao. Hỗ trợ tải thông số trực tiếp vào phần mềm quản lý chất lượng của máy. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 3x3ml	Hộp	6
7	Hóa chất Autocal H	Chất chuẩn để dựng đường chuẩn cho máy. Lọ 3ml Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Lọ 3ml	Lọ	12
8	Hóa chất định lượng Acid Uric trong máu	R1: 4x50ml+R2: 1x50ml Standard: 1x5ml Thành phần hóa chất: phosphate buffer pH 7.0, ADPS \geq 0.2 mM, 4-aminoantypyrine 0.3 mM, uricase \geq 450 U/l, POD > 2500 U/l, surfactant. Standard: uric acid 5 mg/dl - 5 ml Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 5x50ml	Hộp	05

9	Hóa chất định lượng Albumin trong máu	Hộp gồm R1: 4x125ml; Standard: 1x5ml Thành phần: succinate buffer 100 mM pH 4.2, bromochresol green 0.2 mM, surfactant. Standard: albumin solution 4 g/dl - 5 ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 4 x 125ml	Hộp	01
10	Hóa chất định lượng Alcohol trong máu	Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động BA-88A- Mindray. -10x10ml+1x5ml R1: ENZYME COENZYME NAD ⁺ > 2.4 mmol/L (Nicotinamine adenine dinucleotide phosphate) ADH > 25 000 IU/L (Alcohol dehydrogenase) TRIS Buffer pH 8.65 + 0.1 at 25° C Stabiliser Preservatives R2: STANDARD Ethanol: approximately 100 mg/dL (21.7 mmol/L) Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 10x10ml + 1x5ml	Hộp	10
11	Hóa chất định lượng Amylase trong máu	Hộp 12 lọ 20ml (liquid) blue cap Thành phần: CNP-G3 2.3 mM, NaCl 350 mM, calcium acetate 6 mM, potassium thiocyanate 600 mM, Good's buffer pH 6.0 100 mM, stabilizers and non-reactive components. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 12x20ml	Hộp	02

12	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần trong máu	R1: 4x25ml; R2: 1x25ml Thành phần: R1 (ReagentA): hydrochloric acid 0.1 M, surfactant. R2 (ReagentB): hydrochloric acid 0.1 M, 3,5-dichlorophenyl diazonium salt 2 mM, surfactant, non reactive stabilizers Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 5x25ml	Hộp	10
13	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp trong máu	R1: 4x25ml; R2: 1x25ml Thành phần: R1 (ReagentA): sodium chloride 0.26 M, EDTA 0.1 mM. R2 (ReagentB): EDTA 0.1 mM, diazotized 2,4-dichloroaniline 0.1 mM, hydrochloric acid 0.18 M. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 5x25ml	Hộp	10
14	Hóa chất định lượng Calci trong máu	R1:3x50ml+R2: 3x50ml Thành phần: Reagent A 0305: Composition: CPC 0.14 mM, 8-quinolinol 26 mM, HCl pH 1.20 Reagent B: 0305: Composition: AMP buffer 1 M pH 11.00, surfactant. Standard: calcium solution 10 mg/dl - 5 ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 6x50ml	Hộp	01
15	Hóa chất định lượng Cholesterol trong máu	R1: 4x100ml+ Standard: 1x5ml Thành phần: Good's buffer pH 7.20, sodium cholate 8 mM, CHE \geq 400 U/l, CHOD \geq 200 U/l, POD \geq 500 U/l, 4-AAP 0.6 mM, 4-chlorophenol 2 mM. Standard: cholesterol solution 200 mg/dl - 5 ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 4x100ml	Hộp	22
16	Hóa chất định lượng CK	Hộp R1:12x8ml+R2: 2x12ml Thành phần hóa chất: imidazole buffer 29 mM pH 6.50, creatine phosphate 30 mM,	Hộp/ 12x10ml	Hộp	15

		glucose 20 mM, N-acetyl-L-cysteine 20 mM, magnesium acetate 10 mM, EDTA 2 mM, ADP 2 mM, NADP 2 mM, AMP 5 mM, Di(adenosine-5')pentaphosphate 12 μ M, glucose-6-phosphate-dehydrogenase ≥ 3 kU/l, hexokinase ≥ 3 kU/l. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.			
17	Hóa chất định lượng CK-MB trong máu	Hộp R1:12x8ml+R2: 2x12ml Thành phần hóa chất: Buffer 100 mM pH 6.70, creatine phosphate 35 mM, glucose 20 mM, N-acetyl-L-cysteine 20 mM, magnesium acetate 10 mM, EDTA 2 mM, ADP 2 mM, NADP 2 mM, AMP 5 mM, Di(adenosine-5')pentaphosphate 10 μ M, glucose-6-phosphate-dehydrogenase ≥ 1.5 kU/l, hexokinase ≥ 2.5 kU/l, Anti-CK-M monoclonal antibodies - inhibiting capacity > 2000 U/l. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 12x10ml	Hộp	05
18	Hóa chất định lượng Creatinine	R1: 2x125ml + R2: 2x125ml +Standard: 1x5ml Thành phần: picric acid 14mM, NaOH 0.18 M, sodium tetraborate 10mM, Surfactant Standard: creatinine 2 mg/dl - 5 ml Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 4x125ml	Hộp	15
19	Hóa chất định lượng GGT trong máu	R1: 8x40ml; R2: 2x40ml Thành phần: Tris buffer 100 mM pH 8.25, glycylglycine 100 mM, L-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 4 mM. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 8x50ml	Hộp	02
20	Hóa chất định lượng Glucose trong máu	Hộp 4 lọ R1 100ml + 1 lọ Standard 5ml Thành phần: phosphate buffer pH 6.50 220 mM, GOD ≥ 15000 U/l, POD ≥ 500 U/l, 4-AAP 1 mM, phenol 10 mM, surfactant.	Hộp/ 4x100ml	Hộp	45

		Standard: glucose solution 100 mg/dl - 5 ml Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.			
21	Hóa chất định lượng GOT trong máu	R1: 8x40ml; R2: 2x40ml Thành phần: Tris buffer 80 mM pH 7.65, L-aspartate 240 mM, 2-Oxoglutarate 12 mM, NADH 0.18 mM, MDH \geq 600 U/l, LDH \geq 900U/l. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 8x50ml	Hộp	15
22	Hóa chất định lượng GPT trong máu	R1: 8x40ml; R2: 2x40ml Thành phần: Tris buffer 100 mM pH 7.15, L-Alanine 500 mM, 2-Oxoglutarate 15 mM, NADH 0.18 mM, LDH \geq 1700 U/l. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 8x50ml	Hộp	15
23	Hóa chất định lượng HDL-direct trong máu	R1: 3x20ml; R2: 1x20ml Thành phần: R1 (ReagentA): Good's buffer pH 7.0 30 mmol/l, 4-aminoantipyrine 0.9 mmol/l, POD 2400 U/l, ascorbate oxidase 2700 U/l, and anti human-lipoprotein antibody, blend of 5-chloro-2-methyl-2-H-isothiazol-3-one [EC No 247-500-7] and 2-methyl-2-H-isothiazol-3-one [EC No 220-239-6] (3:1) in concentration 0.0015-0.06% R2 (ReagentB): Good's buffer pH 7.0 30 mmol/l, cholesterol esterase 4000 U/l, cholesterol oxidase 20000 U/l, and F-DAOS 0.8 mmol/l Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 4x20ml	Hộp	73
24	Hóa chất định lượng Magnesium XL (incl.standard)	R1: 4 lọ 125ml; Standard: 1x5ml Thành phần hóa chất: xylydyl blue 0.11 mM, NaCl 0.86 M, EGTA 0.25 mM, triethanolamine 0.7 mM, Good's buffer pH 11.0, surfactant, preservative. Standard: magnesium solution 2 mEq/l - 5 ml	Hộp/ 4 x 125ml	Hộp	01

		Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.			
25	Hóa chất định lượng Protein Total	Hộp R1 4x125ml + 1 lọ Standard 5ml Thành phần: Cupric sulphate 6 mM, sodium-potassium tartrate 21 mM, potassium iodide 6 mM, NaOH 0.75M. Standard: proteins solution 6 g/dl - 5 ml Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 4 x 125ml	Hộp	01
26	Hóa chất định lượng Triglycerid trong máu	Hộp (R1: 4x100ml; Standard: 1x5ml) Thành phần: Good's buffer pH 6.80, ATP 2 mM, GK > 300 U/l, POD > 1000 U/l, LPL > 1000 U/l, GPO > 2000 U/l, TOPS 3 mM, 4-AAP 0.3 mM, , surfactants and stabilizers. Standard: glycerol equivalent to 200 mg/dl - 5 ml Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 4x100ml	Hộp	22
27	Hóa chất định lượng Ure trong máu	Hộp R1:12x16ml+ R2: 3x16ml + 1 lọ Standard 5ml Thành phần: CAPSO buffer 8 mM pH 7.60, 2-Oxoglutarate 7.5 mM, Urease > 8 KU/l, GLDH > 800 U/l, NADH 0.25 mM, stabilizers. Standard: urea 50 mg/dl - 5 ml Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 12x20ml	Hộp	05
28	Hóa chất Nội kiểm sinh hóa mức bất thường Quantipath	Hóa chất kiểm tra chất lượng của máy. Lọ 5ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Lọ 5ml	Lọ	02
29	Hóa chất Nội kiểm sinh hóa mức bình thường Quantinorm	Hóa chất kiểm tra chất lượng của máy. Lọ 5ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Lọ 5ml	Lọ	06

30	Hóa chất điện giải Fluid Pack Na/K/Cl	Na/K/Cl Fluid Pack 800ml Standard A Solution, 800mL (140.0 mmol/L Na +; 4.0 mmol/L K +; 125.0 mmol/L Cl-; Buffer; Preservative; Wetting Agent) Standard B Solution, 180mL (35.0 mmol/L Na +; 16.0 mmol/L K +; 41.0 mmol/L Cl-; Buffer; Preservative; Wetting Agent) Wash Solution, 80mL (Wash Solution, 80mL) Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 800ml	Hộp	15
31	Hóa chất rửa máy điện giải đồ	Hộp 1 lọ x 90 ml HCl (0.2 N) and NH ₄ F ₂ (0.05N) and salts Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp 1 x 90ml	Hộp	10
32	Nội kiểm (Điện giải đồ Control)	Hóa chất Kiểm tra chất lượng của máy, bao gồm có 2 mức. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 2x10ml	Hộp	02
33	Chương trình ngoại kiểm Riquas huyết học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Có bài báo cáo phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riquas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 3 x 2ml	Hộp	06
34	Chương trình ngoại kiểm Riquas sinh hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Có bài báo cáo phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riquas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 6 x 5ml	Hộp	03
35	Que thử nước tiểu 10 thông số	Cam kết (tương thích) sử dụng được cho máy Bệnh viện. Thông số 10 - 11. Hộp 100 test. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 100 test	Hộp	110

36	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Metylen Blue chai 250ml. Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm. Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ 3 chai 250ml	Bộ	08
37	Dung dịch nhuộm màu Ziehl s Carbol Fuchsin 0,3%	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen. Chai 500 ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai 500ml	Chai	04
38	Dung dịch tẩy màu còn Acid HCl	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen. Chai 500 ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai 500ml	Chai	04
39	Dung dịch nhuộm xanh Metylen	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen. Chai 500 ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai 500ml	Chai	04
40	Dung dịch Acid Acetic 3%	Nồng độ 3%. Chai 500ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai/ 500ml	Chai	29
41	Dung dịch Lugol 3%	Nồng độ Lugol 3%. Chai 500ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai 500ml	Chai	02
42	Hóa chất nhuộm Giem sa	Chai 500ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS;	Chai 500ml	Chai	01
43	Hóa chất Acid Acetic đậm đặc	Chai 500ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS;	Chai 500ml	Chai	01

44	Hóa chất KOH đậm đặc	Chai 500ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS;	Chai 100ml	Chai	01
45	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ/ 4 * 250 ml	Bộ	04
46	Hóa chất hãm hình	Hóa chất rửa film FR: MF2 Universal Fixer (44-640) là hóa chất hãm hình dùng để định hình trên phim XQuang. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Can	Can	10
47	Hóa chất hiện hình	Hóa chất rửa film FR: Eco plus Developer là hóa chất hiện hình dùng để hiện hình trên phim XQuang. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Can	Can	10
48	Hóa chất và vật tư phát hiện HBV bằng realtime PCR	Loại mẫu đầu vào: DNA sau tách chiết từ mẫu huyết thanh/ huyết tương o Lượng mẫu đầu vào: 10 µL o Độ nhạy: 28 IU/mL Bộ/ 50 test ABTViệt Nam Bộ 04 o Độ đặc hiệu: Kit chỉ phát hiện HBV o Công nghệ: TaqMan Probe o Kênh màu huỳnh quang: FAM (phát hiện HBV), HEX (chứng nội) o Thời gian PCR: 1 giờ 30 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 50 test	Hộp	10
49	Hóa chất và vật tư tách chiết từ (tách bằng máy) cho tác nhân HCV, HBV	Hóa chất được chia sẵn trong chai nhựa: NL Buffer 60 mL, WB1 Buffer 36 mL, WB2 Buffer 36 mL, EB Buffer 30 mL, Ethanol 120mL, Magbead 2.6 mL, Proteinase K 2,4mL (tương ứng 96 tests). Kèm theo Deep Plate/Tube Strips và TipComb phù hợp để chạy máy. Loại Mẫu: virus từ mẫu huyết thanh, huyết tương. Ngoài ra, có thể sử dụng tách chiết cho mẫu dịch phết và dịch nuôi cấy vi khuẩn gram âm. Bộ kit dễ dàng đáp ứng trên các dòng máy tách chiết/ tinh sạch nucleic acid, ... Thu nhận đồng thời DNA và RNA. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 96 test	Hộp	06

II. HÓA CHẤT CHỐNG NHIỄM KHUẨN					
50	Chloramin B	Sodium benzensulfocloramise, hàm lượng Chlor 25%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Thùng/ 25kg	Kg	150
51	Chlorhexidine 4%	Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS	Chai 500ml	Chai	20
52	Chlorin 70%	Thành phần: Clorin 70% (Ca(ClO) ₂). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS	Thùng 45 kg	Kg	100
53	Dung dịch khử khuẩn trang thiết bị y tế Steranios 2%	Glutaraldehyde 2% và kèm chai dung dịch hoạt hóa Tác dụng: diệt khuẩn mạnh, phổ kháng khuẩn rộng: diệt tất cả các loại vi sinh vật kể cả HIV, HBV, trực khuẩn lao, trực khuẩn mũ xanh, bào tử. Cách sử dụng: sau khi hoạt hóa dung dịch sử dụng trong 28 ngày, ngâm dụng cụ từ 10 phút đến 10 giờ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS	Can 5 lít	Can	20
54	Dung dịch ngâm khử khuẩn dụng cụ enzyme	Hoạt chất enzyme Protease + chất tẩy rửa. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS	Chai/1 lít	Chai	30
55	Dung dịch tẩy rửa trang thiết bị y tế (ANIOSYME SYNERGY 5)	Hỗn hợp 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt tẩy rửa dụng cụ y tế với 5 enzyme. Phù hợp với máy rửa dụng cụ. Hiệu quả với mọi loại nước (nước mềm hoặc nước chưa xử lý). Công thức không chứa chất bay hơi, pH trung tính ở nồng độ sử dụng. Ngăn hình thành màng biofilm, hiệu quả tẩy rửa được chứng minh qua các test ATPmetry, EN 15883. Ngăn ngừa sự nhiễm khuẩn theo tiêu chuẩn NF EN ISO 11930. Nồng độ sử dụng: 0,1-0,5%. Có bầu định lượng trên chai. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS	Thùng 12 chai x 1 lít/ chai	Chai	60
56	Gel nội soi	* Thành phần chính: Water; Glycerin; Propylene; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Sodium Benzoate; Benzoic Acid. * Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS	Tuýp/82 gram	Hộp	30

57	Gel siêu âm	Gel bôi trơn gốc nước, không mùi. Dùng trong siêu âm chẩn đoán y khoa. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Can 5 lít	Can	100
58	Greenax OPA	0,55% Ortho-Phthalaldehyde, khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế, phẫu thuật, thiết bị y tế, dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Can/ 5 lít	Can	60
59	Nước tẩy Javel	Chai 1lít. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS	Chai/ 1lít	Chai	161
60	Viên sủi khử khuẩn Troclosense Sodium	50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5g Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5g - tương đương với 1,5g Clorin hoạt tính/ viên 5g). Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/100 viên	Hộp	40
61	Dầu bôi trơn, đánh bóng dụng cụ y tế	Bôi trơn các dụng cụ phẫu thuật - Thành phần: Paraffinum liquidum, chất hoạt động bề mặt không ion, khí đẩy propan/butan - Đóng gói: 0,4 lít/bình. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai/ 0,4 lít	Chai	02
62	Dung dịch đánh tan gỉ dụng cụ y tế	" Loại bỏ các vết gỉ, vết bẩn trên các dụng cụ phẫu thuật bằng thép trong các bồn ngâm hoặc máy rửa siêu âm - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không ion, phosphates - Đóng gói: 1 lít/chai. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai/ 1lít	Chai	02

Phụ lục III
DANH MỤC SINH PHẨM

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số Lượng
1	Anti A	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác: $\geq 99,99\%$. Lọ 10ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Lọ 10ml	Lọ	17
2	Anti AB	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A A-5E10; Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-B B-B-2D7 (1,0ml). Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác: $\geq 99,99\%$. - Lọ 10ml. - Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO; CE; FDA; TCCS.	Lọ 10ml	Lọ	15
3	Anti B	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai B500100 1,0ml. Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác: $\geq 99,99\%$. Lọ 10ml. - Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Lọ 10ml	Lọ	17
4	Anti D	Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti D BS225 (1,0ml). Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác: $\geq 99,99\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Lọ 10ml	Lọ	17
5	Khay thử xét nghiệm định tính phân biệt kháng thể kháng vi rút HIV-1 và HIV-2	Định tính phân biệt kháng thể HIV loại 1 và loại 2 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người. Độ nhạy tương đối: 100 %, Độ đặc hiệu tương đối: 99,75 %. Có dung dịch khai triển buffer đi kèm. Giới hạn phát hiện: 1.0 s/CO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 25 test	Test	1.000
6	Khay thử xét nghiệm định tính phân biệt kháng thể kháng vi rút HIV-1 và HIV-2	- Sử dụng để phát hiện định tính kháng thể HIV-1 và/ hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Có dung dịch khai triển (buffer) đi kèm. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%; - Thời gian trả kết quả: 15 – 20 phút, dạng khay. Độ chính xác tương quan: 99.8%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/40 test	Test	1.000

7	Test chẩn đoán kháng thể giang mai Syphilis	Định tính phát hiện các kháng thể IgG&IgM anti-TP trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Độ nhạy 99.5%, độ đặc hiệu 99.8%, độ chính xác 99.7%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp / 50 test	Test	400
8	Test Dengue NS1 Ag	Dạng bào chế: khay thử. Độ nhạy tương quan 95,6%; Độ đặc hiệu tương quan 95,5%; Độ chính xác tương quan 95,6%. Đọc kết quả trong vòng 20 phút, không sử dụng kết quả sau 25 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 30 test	Test	6.000
9	Test Dengue NS1 Ag	<ul style="list-style-type: none"> - Định tính, phân biệt immunoglobulin G (IgG) và immunoglobulin M (IgM) kháng tất cả các loại virus dengue từ huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người. Dạng khay. - Độ nhạy: Dengue IgG 98.29%, Dengue IgM 97.92%, Độ đặc hiệu: Dengue IgG 97.76%, Dengue IgM 100% so với phương pháp thử nghiệm Elisa - Giới hạn phát hiện: 1.0 s/CO - Khay thử ổn định ít nhất 6 tuần sau khi mở túi nhôm nếu được lưu trữ ở trong túi nilon dán kín, khay thử ổn định ít nhất 6 tuần ở nhiệt độ phòng và tối đa không quá 55°C khi được bảo quản ở điều kiện ban đầu và không mở ra. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS. 	Hộp/ 25 test	Test	6.000
10	Test HAV IgM	Vùng cộng hợp: kháng thể chuột kháng IgG người; Vạch kết quả: kháng nguyên HAV tái tổ hợp; Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG chuột. Dạng bào chế: khay thử. Độ nhạy tương quan 90,6%; Độ đặc hiệu tương quan 97,6%. Độ chính xác tương quan 95,4%. Đọc kết quả trong vòng 15-20 phút, không sử dụng kết quả sau 20 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 30 test	Test	60

11	Test HBeAg	Sử dụng phát hiện sự có mặt của kháng nguyên HBeAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Thành phần: Kháng thể chuột kháng HBeAg-1 (~0.4 μ g); Kháng thể chuột kháng HBeAg-2 (~0.4 μ g); IgG-dê kháng chuột (~0.6 μ g). Độ nhạy: 96.3%; Độ đặc hiệu: 97.9%; Độ chính xác tương quan: 97.5%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/50 test	Test	150
12	Test HBsAg	Độ nhạy 100%. Độ đặc hiệu \geq 98%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/50 test	Test	1.500
13	Test HEV IgM	Vùng cộng hợp: kháng nguyên HEV tái tổ hợp & IgG thỏ. Vạch kết quả: kháng thể chuột kháng IgM người; Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG thỏ. Dạng bào chế: khay thử. Độ nhạy 99,9%. Độ đặc hiệu 99,3%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 30 test	Test	60
14	Test nhanh chẩn đoán Enterovirus EV71	Test thử nhanh phát hiện IgG và IgM kháng thể của virus Enterovirus 71 (EV71) trong huyết thanh. Độ nhạy \geq 97%. Độ đặc hiệu \geq 98%. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 25 test	Test	500
15	Test nhanh chẩn đoán HIV (SD Bioline 1/2 3.0 HIV)	Phát hiện các kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 và HIV-2 và phân biệt HIV-1, HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99,3%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 30 test	Test	60
16	Test nhanh chẩn đoán HIV thế hệ 3 (Advance Quality Rapid Anti HIV 1/2 test nhanh)	Sử dụng phát hiện sự có mặt của kháng nguyên HBeAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Thành phần :Kháng thể chuột kháng HBeAg-1 (~0.4 μ g);Kháng thể chuột kháng HBeAg-2 (~0.4 μ g);IgG-dê kháng chuột (~0.6 μ g). Độ nhạy: 96.3%; Độ đặc hiệu: 97.9%; Độ c. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 40 test	Test	80
17	Test nhanh H.P trong nội soi dạ dày	Test lên men urea. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 50 test	Test	700

18	Test nhanh H.P trong nội soi dạ dày	Chất thử cho xét nghiệm nhanh tầm soát (phát hiện) H.Pylori, trên miếng sinh thiết nội soi dạ dày. - Độ nhạy $\geq 99,9\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 99,65\%$. - Hộp 50 test - Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 50 test	Test	500
19	Test phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV	Độ nhạy $\geq 98\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 97\%$, cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp/ 50 test	Test	800
20	Test Thử chất gây nghiện 4 chỉ Số THC-MET-AMP-MOP	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu: - Morphine, Amphetamine, Methamphetamine, THC. - Độ nhạy: 99,8%. - Độ đặc hiệu: 99,6%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 15 test	Test	600
21	Test Thử chất gây nghiện 4 chỉ Số THC-MET-AMP-MOP	Panel thử nhanh phát hiện nhiều chất ma túy (MOP/MDMA/MET/THC) MOP: - Ngưỡng cut-off: 300 ng/ml; - Dương tính: MOP > 300 ng/ml; - Âm tính: MOP < 300 ng/ml. - Độ nhạy: 99,9%. - Độ đặc hiệu: 99,9% MDMA: Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml; - Dương tính: MDMA ≥ 500 ng/ml; - Âm tính: MDMA < 500ng / ml. - Độ nhạy: 99.9%., - Độ đặc hiệu: 99.9% MET: Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml; - Dương tính: MET ≥ 500 ng/ml; - Âm tính: MET < 500ng / ml. - Độ nhạy: 99,9%., - Độ đặc hiệu: 99,9% - THC: Ngưỡng cut-off: 50 ng/ml; - Dương tính: THC ≥ 50 ng/m); - Âm tính: THC < 50ng / ml. - Độ nhạy: 99,9%., - Độ đặc hiệu: 99,9%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 15 test	Test	600

22	Test thử nhanh HIV Determine HIV ½	Độ nhạy 100%. - Độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$, cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút. –Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 100 test	Test	100
23	Trang thiết bị y tế chẩn đoán nhanh thuốc phiện (Heroin - Morphine - Opiates) trong nước tiểu	Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine - Heroin - Opiates trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: 300 ng/ml. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp/ 50 test	Test	500
24	Test nhanh định lượng C-reactive protein (CRP)	<p>Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng CRP trong máu toàn phần/ huyết thanh / huyết tương người * Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich * Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge: gồm que đo, trong đó có màng chứa kháng thể kháng CRP người ở vạch test và IgG thử ở vạch kiểm chứng. - Detection buffer: chứa kháng thể kháng CRP gắn huỳnh quang, kháng thể kháng IgG thử gắn huỳnh quang, chất ổn định albumin huyết thanh bò, chất bảo quản sodium azide trong đệm PBS. - ID chip. - Ống thu mẫu * Dải đo: 2.5-300 mg/L * Quy cách: Gồm <ul style="list-style-type: none"> - 1 hộp Cartridge: 25 que đo, ID chip, 25 ống thu mẫu - 1 hộp gồm 25 ống detection buffer. * Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS. 	Hộp/25 test	Bộ	80

25	Test nhanh định lượng D-Dimer	<p>Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Ichroma D-Dimer *Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng D-Dimer trong huyết tương/ máu toàn phần người.</p> <p>* Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich</p> <p>* Thành phần: Bao gồm các Cartridge, Detection Buffer Vial, Sample Mixing Tubes và một ID chip.</p> <p>- Cartridge: là các que test, trên màng que test có vạch test - gắn các kháng thể kháng D-Dimer người và vạch Control- gắn Streptavidin.</p> <p>- Detection Buffer chứa kháng thể kháng D-Dimer được gắn huỳnh quang, liên hợp biotin-BSA gắn huỳnh quang, albumin huyết thanh bò (BSA), sodium azide và đệm PBS.</p> <p>* Dải đo: 50-10,000 ng/mL.</p> <p>* Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.</p>	Hộp/ 25 test	Bộ	05
26	Test nhanh định lượng Ferritin	<p>Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc.</p> <p>* Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng Ferritin trong huyết thanh / huyết tương người</p> <p>* Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh</p> <p>* Thành phần:</p> <p>- Cartridge: gồm que đo, trong đó có màng chứa Ferritin người ở vạch test và keyhole limpet hemocyanin(KLH) ở vạch kiểm chứng.</p> <p>- Ống Detection buffer: chứa kháng thể kháng Ferritin người gắn huỳnh quang, kháng thể kháng KLH gắn huỳnh quang, chất ổn định albumin huyết thanh bò và sucrose, chất bảo quản sodium azide trong đệm PBS</p> <p>- Hóa chất Displacing: chứa kháng thể kháng KLH gắn huỳnh quang, chất bảo quản sodium azide trong đệm PBS.</p>	Hộp/ 25 test	Bộ	50

		<ul style="list-style-type: none"> - ID chip * Dải đo: 10-1,000 ng/mL * Quy cách: Gồm - 1 hộp Cartridge: 25 que đo, ID chip - 1 hộp gồm 25 ống detection buffer * Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS. 			
27	Test nhanh định lượng HbA1c trong máu	<p>Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần người. * Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich * Thành phần gồm: Que thử Cartridges, lọ Detection Buffer, lọ dung dịch ly giải hồng cầu và thẻ ID chip. - Cartridge chứa kháng thể kháng HbA1c ở vạch phản ứng và kháng thể IgG (nguồn gốc thỏ) ở vạch chứng. - Detection Buffer chứa kháng thể kháng HbA1c được gắn huỳnh quang, kháng thể IgG (nguồn gốc thỏ) được gắn huỳnh quang, albumin huyết thanh bò (BSA), sodium azide và đệm PBS. - Dung dịch ly giải hồng cầu chứa chất tẩy mạnh không ion hóa, sodium azide và đệm PBS. *Dải đo: NGSP (%): 4-15 %. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS. 	Hộp/ 25 test	Bộ	100

28	Test nhanh định lượng T3	<p>Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc.</p> <p>* Hóa chất xét nghiệm dùng để triiodothyronine (T3) trong huyết thanh / huyết tương người</p> <p>* Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh</p> <p>* Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge: gồm que đo, trong đó có màng chứa T3 liên kết với albumin huyết thanh bò (BSA) ở vạch test và IgY gà ở vạch kiểm chứng. - Detection buffer (Dạng hạt đông khô): chứa kháng thể kháng T3 người gắn huỳnh quang, kháng thể kháng IgY gà gắn huỳnh quang, chất bảo quản sodium azide trong đệm PBS, chất ổn định albumin huyết thanh bò. - Dung dịch pha loãng detector. - ID chip. <p>* Dải đo: 0.1-100 μIU/mL</p> <p>* Quy cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 hộp chứa Cartridge chứa: 25 que đo, 1 ID chip, - 1 IFU, 25 ống detector, 2 ống diluent 4 ml. <p>* Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.</p>	Hộp/25 test	Bộ	57
----	--------------------------	---	-------------	----	----

29	Test nhanh định lượng T4	<p>Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc.</p> <p>* Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng thyroxine (T4) trong huyết thanh / huyết tương người</p> <p>* Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh</p> <p>* Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge: gồm que đo, trong đó có màng chứa T4 liên kết với albumin huyết thanh bò (BSA) ở vạch test và streptavidin ở vạch kiểm chứng. - Detection buffer (Dạng hạt đông khô): chứa kháng thể kháng T4 người gắn huỳnh quang, liên hợp Biotin-BSA gắn huỳnh quang, sodium azide và NaOH trong đệm PBS, chất ổn định albumin huyết thanh bò. - Dung dịch pha loãng detector. - ID chip. <p>* Dải đo: 10.23-300.0 nmol/L</p> <p>* Quy cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 hộp chứa Cartridge chứa: 25 que đo, 1 ID chip, - 1 IFU, 25 ống detector, 1 ống diluent 5.5 ml. <p>* Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.</p>	Hộp/25 test	Bộ	70
30	Test nhanh chẩn đoán nhồi máu cơ tim Troponin I	<p>Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng cardiac troponin-I (Tn-I) trong huyết tương/ huyết thanh người.</p> <p>* Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch huỳnh quang.</p> <p>* Thành phần: Bao gồm các Cartridge, Detection Buffer Vial, Sample Mixing Tubes và một ID chip.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge: là các que test, trên màng que test có vạch test - gắn các kháng thể kháng Tn-I người và vạch Control- gắn Streptavidin. - Detection Buffer chứa kháng thể kháng Tn-I được gắn huỳnh quang, liên hợp biotin-BSA gắn huỳnh quang, albumin huyết thanh bò (BSA), sodium azide và đệm PBS. 	Hộp/25 test	Bộ	50

		<p>* Dải đo: 0.10–50 ng/mL. * Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.</p>			
31	Test nhanh định lượng TSH	<p>Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. * Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng TSH trong huyết thanh / huyết tương người * Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich * Thành phần: - Cartridge: gồm que đo, trong đó có màng chứa kháng thể kháng TSH người ở vạch test và streptavidin ở vạch kiểm chứng. - Detection buffer: chứa kháng thể kháng TSH gắn huỳnh quang, liên hợp Biotin-BSA gắn huỳnh quang, chất ổn định albumin huyết thanh bò, chất bảo quản sodium azide trong đệm PBS. - Ống trộn mẫu - ID chip * Dải đo: 0.1-100 μIU/mL * Quy cách: Gồm - 1 hộp Cartridge gồm 25 que đo, ID chip, ống trộn mẫu - 1 hộp gồm 25 ống detection buffer. * Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.</p>	Hộp/ 25 test	Bộ	70
32	Test nhanh định lượng PCT (Procaltoin)	<p>Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. * Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng PCT trong huyết thanh / huyết tương người * Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich * Thành phần: - Cartridge: gồm que đo, trong đó có màng chứa kháng thể kháng PCT người ở vạch test và streptavidin ở vạch kiểm chứng. - Detection buffer: chứa kháng thể kháng PCT gắn huỳnh quang, liên hợp Biotin-BSA gắn huỳnh quang, chất ổn định albumin huyết thanh bò, chất bảo quản sodium azide trong đệm PBS. - Ống trộn mẫu</p>	Hộp/ 10 test	Hộp	05

		<ul style="list-style-type: none"> - ID chip * Dải đo: 0.1-100 ng/mL * Quy cách: Gồm - 1 hộp Cartridge gồm 10 que đo, ID chip, ống trộn mẫu - 1 hộp gồm 10 ống detection buffer. * Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS. 			
33	Boditech Hormone Control	<ul style="list-style-type: none"> * Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng cartridge của Boditech, dùng kiểm tra các xét nghiệm nhóm hormone (PRL, TSH, FSH, hCG, LH, Cortisol, T4, Progesterone, Testosterone, T3) ở 2 mức bình thường và bất thường. Dạng đông khô. * Thành phần: dung dịch chuẩn PRL, TSH, FSH, hCG, LH, Hydrocortisone, Levothyroxine, Progesterone, Testosterone, T3 và huyết thanh ngựa. * Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS. 	Hộp/ 2 x 1 ml	Hộp	02
34	Boditech HbA1c Control	<ul style="list-style-type: none"> * Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng cartridge của Boditech, dùng kiểm tra xét nghiệm HbA1c ở 2 mức bình thường và bất thường. Dạng đông khô. * Thành phần: chứa HbA1c và huyết thanh ngựa. * Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS. 	Hộp/ 2 x 0,5 ml	Hộp	02
35	Boditech CRP Control	<ul style="list-style-type: none"> * Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng cartridge của Boditech, dùng kiểm tra xét nghiệm CRP ở 2 mức bình thường và bất thường. Dạng chất lỏng * Thành phần: chứa kháng nguyên CRP và huyết thanh ngựa. * Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS. 	Hộp/ 2 x 0,5 ml	Hộp	02
36	Boditech D-Dimer Control	<ul style="list-style-type: none"> * Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng cartridge của Boditech, dùng kiểm tra xét nghiệm D-dimer ở 2 mức bình thường và bất 	Hộp/ 2 x 0,5 ml	Hộp	02

		<p>thường. Dạng đông khô.</p> <p>* Thành phần: chứa dung dịch chuẩn D-Dimer và huyết thanh ngựa.</p> <p>* Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.</p>			
37	Boditech Cardiac Control	<p>* Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng cartridge của Boditech, dùng kiểm tra các xét nghiệm nhóm tim mạch ở 2 mức bình thường và bất thường. Dạng đông khô</p> <p>* Thành phần: chứa phức hợp troponin tim của người, protein CK-MB người, kháng nguyên Myoglobin, NT-proBNP tái tổ hợp người và huyết thanh ngựa.</p> <p>* Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.</p>	Hộp/ 2 x 1 ml	Hộp	02
38	PCT Control	<p>* Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng cartridge của Boditech, dùng kiểm tra xét nghiệm PCT ở 2 mức bình thường và bất thường. Dạng đông khô. Thành phần: PCT Control chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ người.</p> <p>* Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.</p>	Hộp/ 2 x 1 ml	Hộp	02
39	Boditech Ferritin Control	<p>* Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng cartridge của Boditech, dùng kiểm tra xét nghiệm Ferritin ở 2 mức bình thường và bất thường, dạng đông khô.</p> <p>* Thành phần: chứa protein Ferritin và huyết thanh ngựa.</p> <p>* Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.</p>	Hộp/ 2 x 0,5 ml	Hộp	02